

Bản án số: 25/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 30/12/2021

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lê Quốc Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Quang Nguyên và bà Lê Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Quyền – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa :
Ông Dương Sơn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện KĐ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2021/TLST- HNGĐ ngày 12/10/2021 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/12/2021 và Thông báo Hoãn phiên tòa số 01/TB - TA ngày 21/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992; Sinh trú quán: Thôn MX, xã MP, huyện TL, tỉnh Hưng Yên (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Minh T, sinh năm 1989; nơi ĐKKHKT: Thôn CN, xã PNL, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên. Hiện đang chấp hành án tại: Đội 38, phân trại 3, trại giam Thanh Xuân (Bộ Công an); Địa chỉ: xã Xuân Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Trần Tiến H, sinh ngày 03/01/2012.

+ Cháu Trần Đài T, sinh ngày 07/8/2015.

Người đại diện cho hai cháu H, T là chị Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L thể hiện: Chị và anh Trần Minh T quen biết, tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã PNL vào ngày 08/4/2011. Sau khi cưới vợ chồng ở cùng với gia đình nhà chồng. Vợ chồng hòa thuận được

khoảng 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không chịu làm ăn mà chơi bời tối ngày, chị có tham gia góp ý nhưng anh T không nghe vì thế mà vợ chồng đã cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau. Đến khoảng tháng 02/2013 anh T không chịu làm ăn mà chơi bời lêu lổng và sử dụng ma túy, anh T đã mang chiếc xe AIRBLADE đi bán để lấy tiền chơi bời vì thế vợ chồng đã cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau sau đó anh T hứa sẽ không chơi bời, tái phạm nữa cho nên chị đã bỏ qua. Tuy nhiên, chỉ được một thời gian ngắn thì anh T lại tiếp tục tái diễn, anh T thường xuyên đi chơi qua đêm, thậm chí anh T đi chơi 3 - 4 ngày mới về nhà, khi anh T về thì vợ chồng đã lời qua tiếng lại cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau. Khoảng tháng 5/2014 anh T lại tiếp tục mang chiếc xe VISION của mẹ để anh T đi bán để lấy tiền chơi bời, chị có nói thì vợ chồng lại cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau. Sau khi anh T đã bán chiếc xe VISION, do không có phương tiện để đi lại cho nên mẹ đẻ anh T là bà Lan đã cho vợ chồng chị tiền mua chiếc xe Nouvolx để lấy làm phương tiện đi lại nhưng đến tháng 11/2015 anh T lại mang chiếc này đi bán lấy tiền chơi bời vì thế mà hai vợ chồng đã cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau, kể từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt dần. Ngày 26/10/2016 anh T đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”, hiện nay anh T đang chấp hành án tại: Đội 38, phân trại 3, trại giam Thanh Xuân, xã Xuân Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn cho nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là cháu Trần Tiến H, sinh ngày 03/01/2012 và cháu Trần Đài T, sinh ngày 07/8/2015, hiện nay đang ở với chị. Nguyên vọng của chị xin được nuôi hai con và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Chị L tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Minh T trình bày: Về điều kiện và thời gian kết hôn như chị L đã trình bày. Anh T thừa nhận trong thời gian vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn do anh không chịu làm ăn, thường xuyên chơi bời lêu lổng với bạn bè, chị L có góp ý nhưng anh không nghe cho nên vợ chồng đã cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng không đạt kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ngày 26/10/2016 anh T đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”, hiện nay anh T đang chấp hành án tại: Đội 38, phân trại 3, trại giam Thanh Xuân, xã Xuân Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. Anh xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng cho nên anh nhất trí ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có hai con chung là cháu Trần Tiến H, sinh ngày 03/01/2012 và cháu Trần Đài T, sinh ngày 07/8/2015, hiện nay đang ở với mẹ. Nếu ly hôn anh nhất trí để chị L nuôi con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Anh T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã xác minh về quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T, được đại diện 2 gia đình cung cấp như sau:

Ông Nguyễn Hữu Khắc là bố đẻ chị L cho biết: Trong thời gian anh T và chị L chung sống với nhau đã phát sinh mâu thuẫn, do anh T không chịu làm ăn, thường xuyên chơi cờ lêu lổng. Gia đình nhiều lần động viên, khuyên bảo nhưng anh T không nghe, không thay đổi. Ngày 22/10/2016 anh T đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 07 năm 06 sáu tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đang chấp hành án tại : Đội 38, phân trại 3, trại giam Thanh Xuân. Chị L đã về nhà ông ở từ tháng 12/2017. Ông Khắc xác định chị L và anh T không thể khắc phục về chung sống với nhau được nữa. Ông Khắc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn anh T để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Bà Nguyễn Thị Lan là mẹ đẻ anh T cho biết: Trong thời gian anh T và chị L chung sống với nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh T chơi cờ lêu lổng, không chịu làm ăn, nhiều lần đem tài sản đi bán để lấy tiền chơi cờ. Gia đình đã động viên khuyên bảo nhưng anh T không sửa chữa được. Ngày 22/10/2016 anh T đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 07 năm 06 sáu tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đang chấp hành án tại: Đội 38, phân trại 3, trại giam Thanh Xuân. Bà Lan xác định việc anh chị có tiếp tục chung sống được với nhau hay không là do hai bên tự quyết định.

UBND xã PNL cung cấp: Anh T và chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đã được UBND xã đăng ký kết hôn ngày 08/4/2011. Trong thời gian anh T và chị L chung sống với nhau hai anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không chịu làm ăn mà chơi cờ lêu lổng, anh T đã mắc vào tệ nạn xã hội, nghiện hút ma túy. Ngày 22/10/2016 anh T đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 07 năm 06 sáu tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đang chấp hành án tại : Đội 38, phân trại 3, trại giam Thanh Xuân. Chị L xin ly hôn anh T và giải quyết về con chung, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn là anh Trần Minh T có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình . Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Trần Minh T. Về con chung: Giao cho chị L nuôi dưỡng hai cháu Trần Tiến H, sinh ngày 03/01/2012 và cháu Trần Đài T, sinh ngày 07/8/2015 đến tuổi thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Minh T; có ĐKKHKT: Thôn CN, xã PNL, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên và hiện đang chấp hành án tại: Đội 38, phân trại 3, trại giam Thanh Xuân, xã Xuân Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội và giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung, nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện KĐ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn là anh Trần Minh T có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân : Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Minh T kết hôn tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đăng ký kết hôn tại UBND xã PNL 08/4/2011; như vậy, hôn nhân của chị L và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay chị L xin ly hôn anh T sẽ được áp dụng Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Về mâu thuẫn của vợ chồng, quá trình giải quyết vụ án cả chị L và anh T đều xác nhận trong thời gian vợ chồng chung sống với nhau đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T chơi bời, không tu chí làm ăn và nhiều lần đem tài sản của vợ chồng đi bán để lấy tiền chơi bời. Chị L và hai bên gia đình đã động viên, khuyên bảo anh T nhưng không thay đổi. Ngày 26/10/2016 anh T đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 07 năm 06 sáu tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đang chấp hành án tại: Đội 38, phân trại 3, trại giam Thanh Xuân. Chị L đã đưa con về bố mẹ đẻ ở từ tháng 12/2017. Chị L và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn. Xét thấy, đã có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn của anh T và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình thì cần giải quyết cho chị L và anh T ly hôn để các bên sớm có điều kiện ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có hai con chung là cháu Trần Tiến H, sinh ngày 03/01/2012 và cháu Trần Đài T, sinh ngày 07/8/2015 hiện đang ở cùng với mẹ. Quá trình giải quyết cả chị L và anh T đều nhất trí để chị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quan điểm của các bên về việc nuôi dưỡng con chung là tự nguyện, không trái pháp luật và đảm bảo quyền lợi của con chung nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị L và anh T đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 264, Điều 266, Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Trần Minh T.

2. Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Trần Tiên H, sinh ngày 03/01/2012 và cháu Trần Đài T, sinh ngày 07/8/2015 hiện đang ở cùng với mẹ. Giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Chị L và anh T đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002514 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KĐ. Chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện KĐ;
- Chi cục THADS huyện KĐ;
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- UBND xã PNL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Quốc Huy

,